

Bản án số: 36/2020/DS-ST

Ngày: 15-07-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Bà Huỳnh Thị Sương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15/07/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-DS ngày 11/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐST - DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Văn Lộc T, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị N, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Bà N ủy quyền cho ông N)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trịnh Thị H trình bày:

Bà với vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Bùi Thị N quen biết nên bà có cho ông N, bà N vay số tiền, cụ thể như sau:

Ngày 25/5/2013 âm lịch là 65.000.000 đồng;

Ngày 10/8/2013 âm lịch là 10.000.000 đồng;

Ngày 14/4/2014 âm lịch là 60.000.000 đồng;

Ngày 25/4/2014 âm lịch là 5.000.000 đồng;

Ngày 30/4/2014 âm lịch là 15.000.000 đồng;

Ngày 26/5/2014 âm lịch là 30.000.000 đồng.

Tổng cộng là 185.000.000 đồng. Việc vay tiền ông N có ghi biên nhận và ký tên. Lãi suất đôi bên thoả thuận là 4%/tháng đối với số tiền 65.000.000 đồng; 10.000.000 đồng; 5.000.000 đồng. Lãi suất 7%/tháng đối với số tiền 60.000.000 đồng; 15.000.000 đồng; 30.000.000 đồng. Số tiền lãi 7%/tháng là do bà vay dùm cho ông N, người cho vay bao nhiêu thì bà lấy lãi ông N bấy nhiêu. Việc đóng lãi không có giấy tờ, bà chỉ nhớ ông N đóng được 04 lần từ tháng 4/2014 đến tháng 8/2014 mỗi lần đóng lãi là 10.550.000 đồng. Ông N vay số tiền 30.000.000 đồng; 15.000.000 đồng; 5.000.000 đồng; 10.000.000 đồng là để mua thuốc cho tôm và hẹn thu hoạch tôm trả. Số tiền 65.000.000 đồng ông N vay để trả Ngân hàng và hẹn vay lại sẽ trả. Từ khi ông N đóng lãi vào năm 2014 thì không đóng lãi nữa. Ngày 07/01/2018 ông N có trả cho bà 17.500.000 đồng nhưng số tiền này không liên quan đến số nợ này. Bà yêu cầu ông N trả nhiều lần nhưng ông không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Bùi Thị N liên đới trả số tiền vay 228.316.000 đồng, trong đó tiền vốn 185.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 30/8/2015 đến 30/12/2019 là 52 tháng x 0.833%/tháng = 43.316.000 đồng. Việc ông N xin trả dần và xin lãi thì bà không đồng ý

*\* Theo bản tự khai ngày 26/02/2020 và trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Vào năm 2013 ông có vay tiền nhiều lần của bà Trịnh Thị H tổng cộng 150.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, mỗi tháng ông đóng lãi là 6.000.000 đồng. Đầu năm 2015 đến cuối năm 2016 thỏa thuận số tiền 40.000.000 đồng lãi suất 4%/tháng, số tiền 110.000.000 đồng lãi suất 7%/tháng. Khoảng đầu năm 2017 đến tháng 6/2017, ông không có khả năng đóng lãi nên số tiền lãi thiếu là 35.000.000 đồng, số tiền lãi này bà H nhập vào số tiền gốc nên thành 185.000.000 đồng. Biên nhận 185.000.000 đồng do ông viết và ký tên nên ông thừa nhận số nợ 185.000.000 đồng. Từ tháng 7/2017 đến tháng 8/2019 hàng tháng ông có đưa cho bà H 2.000.000 đồng, có khi 1.000.000 đồng và có khi 500.000 đồng. Từ tháng 8/2019 do khó khăn nên không có trả nợ cho bà nữa. Ngày 07/01/2018 ông có trả số tiền gốc cho bà H là 17.500.000 đồng nên ông chỉ còn thiếu bà H 167.500.000 đồng. Hiện nay ông đi phụ hồ và nuôi tôm chung với người khác nên không có khả năng trả nợ 01 lần nên ông xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng và xin không phải trả lãi. Đối với số tiền lãi ông đã đóng thì ông không yêu cầu tính lại.

*\* Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị N trình bày:*

Bà biết ông Nguyễn Văn N có vay tiền của bà Trịnh Thị H nhưng vay số tiền bao nhiêu thì bà không biết, tiền lãi đôi bên thoả thuận cũng như quá trình đóng lãi thì bà không rõ, việc vay tiền của bà H là ông N vay để trả thế cho những người trả chậm cho Ngân hàng vì thời gian đó ông N là cộng tác viên của Ngân hàng, bà chỉ có nhận từ bà H là 5.000.000 đồng và 1.000.000 đồng

Tại Tòa:

\* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Văn Lộc T trình bày: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, trước đây nguyên đơn yêu cầu ông N, bà N trả số tiền vốn là 185.000.000đ nhưng ông N cho rằng biên nhận ngày 07/01/2018 là ông trả tiền vốn cho bà H nên nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.500.000 đồng nên chỉ còn yêu cầu ông N và bà N liên đới trả số tiền gốc là 167.500.000 đồng. Nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu trả dần và xin không trả tiền lãi của bị đơn. Từ khi vay bị đơn chỉ trả được số tiền lãi 10.500.000 đồng vào năm 2014 việc trả lãi không có giấy tờ. Mục đích bị đơn vay tiền là để nuôi tôm và hẹn thu hoạch tôm sẽ trả nhưng bị đơn vẫn không trả. Nguyên đơn yêu cầu ông N và bà N liên đới trả số tiền vay gốc là 167.500.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 30/8/2015 đến ngày 30/12/2019 là 52 tháng với lãi suất là 0,833%/tháng.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Nguyên đơn yêu cầu trả số tiền vốn 167.500.000 đồng thì ông thừa nhận số tiền này nhưng nguyên đơn yêu cầu ông và bà N liên đới trả thì ông không đồng ý vì bà N không biết số tiền vay này còn số tiền lãi nguyên đơn cho rằng trả vào năm 2014 thì không đúng mà ông đã đóng lãi từ đầu tháng 01/2013 đối với số tiền 50.000.000 đồng lãi suất là 4%/tháng, ông đóng tới tháng 02/2016. Tháng 02/2016 ông vay tiếp của bà H 100.000.000 đồng lãi suất là 7%/tháng, giữa năm 2017 thì bà H nhập số tiền lãi 35.000.000 đồng vào 50.000.000 đồng thành 85.000.000 đồng và ông đóng lãi số tiền 85.000.000 đồng với lãi suất là 4%/tháng, số tiền 100.000.000 đồng vẫn đóng là 7%/tháng, ông đóng lãi đến tháng 01/2018 thì không đóng lãi nữa. Tháng 02/2018 bà H và ông thống nhất cho ông trả số tiền gốc, ông trả tiền gốc từ tháng 02/2018 đến tháng 02/2019, mỗi tháng ông trả 2.000.000 đồng, có tháng thì trả 1.000.000 đồng, tháng 6/2019 thì trả 600.000 đồng. Từ 6/2019 đến nay ông không trả tiền vốn và lãi cho bà H nữa. Ông không nhớ số tiền lãi mỗi tháng đóng bao nhiêu và tổng số tiền lãi đã đóng cho bà H và việc đóng lãi cũng không giấy tờ. Việc bà H cho ông trả tiền vốn chỉ nói miệng không có giấy tờ và ông trả vốn cho bà H từ tháng 02/2018 đến tháng 6/2019 thì bà H không có ghi biên nhận cho ông. Ông chỉ có biên nhận trả tiền vốn cho bà H vào ngày 07/01/2018 với số tiền 17.500.000 đồng. Trong quá trình tố tụng, ông không có yêu cầu tính lãi lại nhưng tại phiên tòa hôm nay ông nghĩ ông đã đóng lãi nhiều và hiện sức khỏe không tốt nên

không lao động được. Do đó, ông yêu cầu tính lãi lại với lãi suất 0,833%/tháng thời gian tính từ đầu năm 2013 đến tháng 01/2018. Ông thừa nhận còn nợ số tiền của bà H là 167.500.000 đồng, ông xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng và xin không trả tiền lãi.

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử, thành viên Hội đồng xét xử đúng như thành phần trong quyết định xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư khách quan.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn là 185.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa chỉ yêu cầu trả số tiền 167.500.000 đồng. Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã cộng 35.000.000 đồng vào số tiền vốn nên thành 185.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không có chứng cứ chứng minh. Bị đơn cũng thừa nhận còn thiếu tiền vốn 167.500.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu trả số tiền lãi tính từ ngày 30/8/2015 đến 30/12/2019 nhưng ngày 07/01/2018 bị đơn có trả tiền cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng chấp nhận biên nhận này nên thời điểm bị đơn vi phạm là ngày 07/01/2018. Từ ngày 07/01/2018 đến 30/12/2019 là 23 tháng. Còn bị đơn yêu cầu tính lãi lại từ năm 2013 đến năm 2018 nhưng không có chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận việc bị đơn trả tiền lãi. Căn cứ Điều 463, 466, khoản 02 điều 468 Bộ luật dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông N, bà N liên đới trả cho bà H số tiền vốn 167.500.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 07/01/2018 đến ngày 30/12/2019 là 23 tháng với số tiền 32.091.325 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N liên đới trả số tiền vay, tiền vốn 167.500.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 30/8/2015 đến 30/12/2019 là 52 tháng x 0.833%/tháng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N số tiền vốn 17.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Văn Lộc T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N số tiền vốn 17.500.000 đồng. Việc rút một phần yêu

cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nguyên đơn bà Trịnh Thị H và bị đơn ông Nguyễn Văn N thống nhất số tiền vay, tiền vốn là 167.500.000 đồng và vay có lãi. Ông N vay tiền của bà H là trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nhưng ông N không thực hiện đúng thỏa thuận, không trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn 167.500.000 đồng và lãi là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo Điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 30/8/2015 là chưa phù hợp, bởi thời hạn vay nguyên đơn cho rằng vay có thời hạn, bị đơn ông N cho rằng vay không thời hạn nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh. Số tiền 17.500.000 đồng bị đơn trả cho nguyên đơn vào ngày 07/01/2018 và nguyên đơn cũng thừa nhận bị đơn trả tiền vốn nên có cơ sở xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 07/01/2018. Trong quá trình tố tụng, bị đơn không yêu cầu tính lãi lại nhưng tại phiên tòa bị đơn yêu cầu tính lãi lại nhưng quá trình đóng lãi bị đơn trình bày thì nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn không có chứng cứ chứng minh về thời gian đóng lãi, số tiền đóng lãi nên việc bị đơn yêu cầu tính lãi lại là không có cơ sở xem xét. Bị đơn xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ và xin không phải trả tiền lãi nhưng nguyên đơn không chấp nhận và yêu cầu này cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Bị đơn ông N cho rằng số tiền vay không có liên quan đến bà Bùi Thị N nhưng số tiền vay này bà N biết và phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo Điều 27 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DS – ST: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N phải nộp  $(199.591.325 \text{ đồng} \times 5\%) = 9.979.566 \text{ đồng}$  theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H đối với

bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N số tiền vay 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N liên đới trả cho nguyên đơn bà H số tiền vay 199.591.325 đồng (trong đó tiền vốn 167.500.000 đồng và tiền lãi 32.091.325 đồng (thời gian tính lãi 07/01/2018 đến ngày 30/12/2019 là 23 tháng với lãi suất 0,833%/tháng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí DS-ST: Bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N phải nộp 9.979.566 đồng (Chín triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trịnh Thị H 5.708.000đ (Năm triệu bảy trăm lẻ tám ngàn đồng) theo biên lai 0008788 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Hạnh**

